TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 150/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình**;**

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Hoaờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 216/2026/TLST-VDS ngày 11/3/2026 về việc "Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; CCCD số 066087016596 địa chỉ Hoaờng trú: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ tạm trú: Số nhà 61 đường Phú Lợi, tổ 1, khu phố Phú Lợi 1, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992; CCCD số 020192004673; địa chỉ Hoaờng trú: Thôn B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ tạm trú: Số B đường B tổ F, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 06/11/2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng An N, sinh ngày 30/6/2020 và cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 14/12/2021. Do mâu thuẫn giữa ông H và bà H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày

11/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, ông H và bà H1 đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 thuận tình ly hôn *(Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 06/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn)).*

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng An N, sinh ngày 30/6/2020 và cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 14/12/2021 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014823 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 15 – Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Văn Thiện